

KẾ HOẠCH
Triển khai các nhiệm vụ Chuyển đổi số năm 2026
trên địa bàn phường An Hải

Căn cứ Kế hoạch số 237/KH-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2025 của UBND thành phố Đà Nẵng về chuyển đổi số năm 2026; Căn cứ tình hình thực tiễn và yêu cầu nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của phường An Hải; UBND phường An Hải ban hành Kế hoạch triển khai nhiệm vụ chuyển đổi số năm 2026 trên địa bàn phường, với các nội dung như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Cụ thể hóa và tổ chức triển khai hiệu quả các nhiệm vụ chuyển đổi số năm 2026 trên địa bàn phường An Hải theo Kế hoạch số 237/KH-UBND ngày 31/12/2025 của UBND thành phố; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong quản lý, điều hành, cải cách hành chính và cung cấp dịch vụ công; từng bước nâng cao năng lực số cho cán bộ, công chức, viên chức và Nhân dân, góp phần thực hiện mục tiêu chuyển đổi số chung của thành phố.

2. Yêu cầu

a) Triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với điều kiện thực tiễn của phường; gắn chuyển đổi số với thực hiện nhiệm vụ chính trị, cải cách hành chính và phát triển kinh tế - xã hội.

b) Xác định rõ trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị trong tổ chức triển khai; tăng cường phối hợp, bảo đảm tiến độ và hiệu quả thực hiện.

c) Bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng; sử dụng hiệu quả các nguồn lực, tránh chồng chéo, lãng phí.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Nâng cao chất lượng, kết quả đánh giá, xếp hạng chuyển đổi số của phường; từng bước nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp. Góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế số, xã hội số trên địa bàn phường, thực hiện các mục tiêu chuyển đổi số chung của thành phố, lấy người dân làm trung tâm phục vụ.

2. Mục tiêu cụ thể

	Mục tiêu của thành phố	Mục	
--	------------------------	-----	--

STT	Chỉ tiêu đến năm 2030	Mục tiêu đến năm 2030	Mục tiêu năm 2026	tiêu 2026 của phường	Cơ quan chủ trì
1	Về phát triển Chính quyền số				
1.1	Triển khai Bộ chỉ số chuyển đổi số cấp xã/phường			≥ 80 điểm	Phòng Văn hóa - Xã hội (VHXH)
1.2	Tỷ lệ người dân, doanh nghiệp đánh giá hài lòng khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến	99%	95%	95%	Trung tâm PVHCC và các cơ quan, đơn vị liên quan
1.3	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến		≥ 90%	≥ 90%	Trung tâm Phục vụ hành chính công
1.4	Địa phương đạt cấp độ 4 và đạt cấp độ 5 mức độ trưởng thành về quản trị dữ liệu	100%	70%	70%	Các cơ quan, đơn vị
1.5	Tỷ lệ cơ quan, đơn vị sử dụng ít nhất 01 ứng dụng AI để phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành	100%	100%	100%	Các cơ quan, đơn vị
1.6	Tỷ lệ các CSDL của phường thuộc các CSDL thành phố, quốc gia được số hoá, cập nhật và đưa vào sử dụng hiệu quả; được kết nối, chia sẻ với LGSP thành phố và Trung tâm dữ liệu quốc gia	100%	100%	100%	Các cơ quan, đơn vị
1.7	Tỷ lệ cơ quan nhà nước cung cấp dữ liệu mở đúng chuẩn	100%	100%	100%	Các cơ quan, đơn vị
1.8	Tỷ lệ cơ quan Đảng, Nhà nước kết nối, sử dụng mạng dùng riêng, băng thông siêu rộng	100%	100%	100%	Các cơ quan Đảng và UBND phường
1.9	Tỷ lệ các hệ thống cảm biến, giám sát, thiết bị IoT được triển khai mới phải đáp ứng yêu cầu kỹ thuật chung của quốc gia và đảm bảo kết nối, truyền tải dữ liệu tức thời về Trung tâm dữ liệu và Trung tâm Giám sát, điều hành	100%	100%	100%	Các cơ quan, đơn vị

	đô thị thông minh (IOC) thành phố để phục vụ công tác phân tích, điều hành				
1.10	Tỷ lệ hệ thống thông tin của thành phố vận hành trên nền tảng điện toán đám mây	100%	100%	100%	Các cơ quan, đơn vị
1.11	Tỷ lệ cơ quan nhà nước, doanh nghiệp nhà nước sử dụng các dịch vụ điện toán đám mây do doanh nghiệp trong nước cung cấp	100%	100%	100%	Các cơ quan, đơn vị
1.12	Tỷ lệ đội ngũ lãnh đạo của từng cơ quan, tổ chức có chuyên môn, kinh nghiệm về khoa học, kỹ thuật, chuyển đổi số phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ	25%	20%	20%	Các cơ quan, đơn vị
1.13	Tỷ lệ cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin, chuyển đổi số của phường được đào tạo đạt chứng chỉ quản trị dữ liệu cơ bản	100%	30%	30%	Các cơ quan, đơn vị
1.14	Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức thường xuyên sử dụng trợ lý ảo hoặc công cụ số thông minh để hỗ trợ thực thi công vụ nhằm nâng cao hiệu suất làm việc	100%	70%	70%	Các cơ quan, đơn vị
1.15	Tỷ lệ cán bộ, công chức phường được bồi dưỡng kỹ năng số nâng cao	100%	20%	20%	- Phòng VHXX Các cơ quan, đơn vị
1.16	Xây dựng Trung tâm điều hành thông minh cấp phường (OC) tích hợp, cung cấp dữ liệu số phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, điều hành hiệu, thực thi công vụ trên nhiều lĩnh vực như kinh tế xã hội, an ninh, giao thông, môi trường và dịch vụ công				- Phòng VHXX - Văn phòng HĐND và UBND phường - Các cơ quan, đơn vị liên quan
1.17	Tỷ lệ cơ sở dữ liệu hồ sơ quy hoạch đô thị được xây dựng, trên nền tảng công nghệ ứng dụng hệ thống thông tin địa lý (GIS hoá)	100%	80%	80%	- Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị (KTHTĐT) - Các cơ quan, đơn vị liên quan
1.18	Tỷ lệ các hệ thống thông tin phục vụ phát triển Chính phủ số phải được phê duyệt hồ sơ đề xuất bảo đảm an				- Công an phường - Phòng VHXX

	ninh mạng theo cấp độ trước khi đưa vào vận hành, sử dụng; được kiểm tra, đánh giá an ninh mạng định kỳ	100%	100%	100%	Các cơ quan, đơn vị liên quan
1.19	Tỷ lệ các ứng dụng, nền tảng được ban hành theo Quyết định số 33/2025/QĐ-TTg ngày 15/9/2025 của Thủ tướng Chính phủ phải được triển khai sử dụng trên Mạng truyền số liệu chuyên dùng	100%	80%	80%	Các cơ quan, đơn vị
2	Về phát triển Kinh tế số				
2.1	Phối hợp xây dựng các bộ dữ liệu chuyên ngành về lĩnh vực thương mại dịch vụ tại phường, bao gồm: dữ liệu về mạng lưới sản xuất, tiêu thụ; dữ liệu về thị trường lao động, thương mại	100%	90%	Đảm bảo theo yêu cầu của thành phố	- Phòng KTHTĐT - Các cơ quan, đơn vị liên quan
2.2	Phối hợp hoàn thiện CSDL về bảo hiểm xã hội cho người lao động. Dữ liệu chuẩn hóa sổ lao động điện tử, tích hợp với dữ liệu về học tập suốt đời, dữ liệu về đào tạo nghề của người lao động được triển khai, hoàn thiện cho Tỷ lệ người lao động đóng bảo hiểm xã hội	100%	90%	90%	- BHXH khu vực Hòa Cường - Phòng VHXX - Các cơ quan, đơn vị liên quan
2.3	Phối hợp triển khai kinh tế tầm thấp (giao hàng bằng UAV,...)				- Phòng VHXX - Phòng KTHTĐT - Các cơ quan, đơn vị liên quan
2.4	Hỗ trợ doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh tiếp cận, ứng dụng các giải pháp số (quản lý, marketing, vận hành, kế toán, thanh toán không dùng tiền mặt, thương mại điện tử...)				- Phòng VHXX - Phòng KTHTĐT - Các cơ quan, đơn vị liên quan
3	Về phát triển Xã hội số				
3.1	Phối hợp đề xuất đảm bảo tỷ lệ khu vực dân cư địa phương phủ sóng dịch vụ 5G	100%	80%	Đảm bảo theo yêu cầu của thành phố	- Các đơn vị doanh nghiệp viễn thông - Phòng VHXX và các cơ quan, đơn vị liên quan

3.2	Phối hợp đề xuất đảm bảo tỷ lệ người sử dụng có khả năng truy nhập cáp quang với tốc độ 1Gb/s trở lên	100%	90%	Đảm bảo theo yêu cầu của thành phố	- Các đơn vị doanh nghiệp viễn thông Phòng VHXX và các cơ quan, đơn vị liên quan
3.3	Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động được đào tạo kỹ năng số và có năng lực số và công cụ số (máy điện thoại thông minh, chữ ký số, tài khoản thanh toán không dùng tiền mặt; có tài khoản định danh điện tử (VNeID))	$\geq 90\%$	$\geq 70\%$	$\geq 70\%$	- Công an phường - Phòng VHXX - Phòng KTHTĐT - Các cơ quan, đơn vị liên quan
3.4	Tỷ lệ hộ nghèo, cận nghèo được hỗ trợ thiết bị di động thông minh; Internet băng thông rộng	$\geq 90\%$	$\geq 80\%$	$\geq 80\%$	Phòng VHXX, Phòng KTHTĐT và các cơ quan, đơn vị liên quan
3.5	Tỷ lệ dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế, giáo dục, bảo hiểm, giao thông	$\geq 90\%$	$\geq 80\%$	$\geq 80\%$	- BHXH khu vực Hòa Cường - Công an phường - Phòng VHXX - Phòng KTHTĐT Các cơ quan, đơn vị liên quan
3.6	Tỷ lệ chi trả, thanh toán các dịch vụ an sinh xã hội qua phương thức thanh toán không dùng tiền mặt/số người đang hưởng chế độ BHXH trên địa bàn phường	$\geq 90\%$	$\geq 80\%$	$\geq 80\%$	- BHXH khu vực Hòa Cường - Phòng VHXX Các cơ quan, đơn vị liên quan
3.7	Tỷ lệ Tổ Công nghệ số cộng đồng được đào tạo nâng cao nhận thức số, kỹ năng số	100%	90%	90%	- Phòng VHXX Các cơ quan, đơn vị liên quan
3.8	Tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân	80%	50%	50%	- Phòng VHXX Các cơ quan, đơn vị liên quan
3.9	90% phản hồi, góp ý của người dân từ Cổng dịch vụ công quốc gia, mạng xã hội, hệ thống phản ánh hiện trường,... được trợ lý ảo hỗ trợ xử lý	90%	60%	60%	- Văn phòng HĐND và UBND - Phòng VHXX Các cơ quan, đơn vị liên quan

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành; kiểm tra, giám sát hoạt động chuyển đổi số

a) Ứng dụng các chỉ số phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo phường, các cơ quan, đơn vị trên môi trường điện tử phù hợp với nhu cầu, điều kiện thực tiễn, mức độ sẵn sàng của các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu.

- Cơ quan chủ trì: Phòng Văn hóa – Xã hội.
- Cơ quan phối hợp: Các cơ quan, đơn vị thuộc phường.
- Thời gian hoàn thành: Quý I/2026.

b) Triển khai, áp dụng Bộ chỉ số đánh giá, xếp hạng chuyển đổi số (Quyết định số 2386/QĐ-UBND ngày 05/11/2025 của UBND thành phố) vào công tác quản lý, điều hành và thực hiện nhiệm vụ chuyên môn của cơ quan, đơn vị nhằm nâng cao hiệu quả công tác chuyển đổi số, thứ hạng chuyển đổi số của phường (đính kèm Phụ lục).

- Cơ quan chủ trì: Phòng Văn hóa - Xã hội
- Cơ quan phối hợp: Các cơ quan, đơn vị.
- Thời gian triển khai: Trong năm 2026.

2. Thể chế, chính sách số

a) Triển khai Bộ tiêu chí đánh giá hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng sau khi thành phố ban hành.

- Cơ quan chủ trì: Phòng Văn hóa - Xã hội
- Cơ quan phối hợp: Các cơ quan, đơn vị.
- Thời hạn hoàn thành: Năm 2026.

b) Phối hợp các sở, ngành thành phố hỗ trợ, ưu tiên triển khai các đề tài, nhiệm vụ nghiên cứu khoa học có tính ứng dụng cao trên cơ sở khai thác công nghệ chuỗi khối trong các ngành, lĩnh vực phát triển kinh tế - xã hội.

- Cơ quan chủ trì: Phòng Văn hóa - Xã hội.
- Cơ quan phối hợp: Các cơ quan, đơn vị.
- Thời hạn hoàn thành: Năm 2026.

c) Xây dựng Không gian khởi nghiệp đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số phường An Hải

- Cơ quan chủ trì: Phòng Văn hóa - Xã hội; Trung tâm Cung ứng dịch vụ sự nghiệp công.
- Cơ quan phối hợp: Các cơ quan, đơn vị có liên quan.
- Thời hạn hoàn thành: Năm 2026.

d) Đẩy mạnh công tác truyền thông, hướng dẫn, triển khai hiệu quả các Nghị định, văn bản hướng dẫn Luật Khoa học Công nghệ và Đổi mới sáng tạo, Luật Công nghiệp Công nghệ số, các chính sách đặc thù, đột phá của thành phố đã ban hành, hỗ trợ kinh phí cho các dự án khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới sáng tạo.

- Cơ quan chủ trì: Phòng Văn hóa - Xã hội; Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị.

- Cơ quan phối hợp: Trung tâm Cung ứng dịch vụ sự nghiệp công; các cơ quan, đơn vị.

- Thời hạn hoàn thành: Năm 2026.

3. Hạ tầng số

a) Phối hợp triển khai sử dụng thử nghiệm bản sao số đô thị do thành phố xây dựng.

- Cơ quan chủ trì: Phòng Văn hóa - Xã hội; Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị.

- Cơ quan phối hợp: Các cơ quan, đơn vị.

- Thời gian hoàn thành: Năm 2026.

b) Triển khai Đề án Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố một cấp, đẩy mạnh thực hiện dịch vụ hành chính công chủ động, giải quyết thủ tục hành chính phi địa giới hành chính.

- Cơ quan chủ trì: Trung tâm Phục vụ hành chính công.

- Cơ quan phối hợp: Cơ quan phối hợp: Các cơ quan, đơn vị.

- Thời gian hoàn thành: Năm 2026.

4. Nhân lực số

a) Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ triển khai bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng số (sử dụng dữ liệu hỗ trợ ra quyết định, xây dựng chính sách, công tác chỉ đạo điều hành) cho lãnh đạo, thủ trưởng các cơ quan, đơn vị.

- Cơ quan chủ trì: Phòng Văn hóa - Xã hội.

- Cơ quan phối hợp: Các cơ quan, đơn vị.

- Thời gian hoàn thành: Năm 2026.

b) Triển khai các hoạt động bồi dưỡng, tập huấn chuyên sâu về kiến trúc; dữ liệu, phân tích dữ liệu, an toàn thông tin, trí tuệ nhân tạo, chuỗi khối cho cán bộ, công chức, viên chức, ưu tiên hình thức bồi dưỡng, tập huấn trực tuyến.

- Cơ quan chủ trì: Phòng Văn hóa - Xã hội.

- Cơ quan phối hợp: Các cơ quan, đơn vị.

- Thời gian hoàn thành: Năm 2026.

c) Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ triển khai tập huấn kỹ năng số (sử dụng các nền tảng số, dịch vụ số do chính quyền, tổ chức, doanh nghiệp cung cấp) cho người dân trên Nền tảng học trực tuyến mở đại trà.

- Cơ quan chủ trì: Phòng Văn hóa - Xã hội.

- Cơ quan phối hợp: Các cơ quan, đơn vị.

- Thời gian hoàn thành: Năm 2026.

d) Triển khai tập huấn kỹ năng số, an toàn thông tin cho học sinh các trường THCS.

- Cơ quan chủ trì: Phòng Văn hóa - Xã hội.

- Cơ quan phối hợp: Các cơ quan, đơn vị, trường học

- Thời gian hoàn thành: Năm 2026.

đ) Hướng dẫn, tập huấn kỹ năng bán hàng qua mạng cho các tiểu thương, hộ kinh doanh

- Đơn vị chủ trì: Phòng Văn hóa - Xã hội; Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị; Trung tâm Cung ứng dịch vụ sự nghiệp công.

- Cơ quan phối hợp: Các cơ quan, đơn vị.

- Thời hạn triển khai: Năm 2026.

e) Tập huấn, cập nhật kiến thức, kỹ năng về an ninh mạng cho CBCCVV phường

- Cơ quan chủ trì: Công an phường.

- Cơ quan phối hợp: Các cơ quan, đơn vị.

- Thời hạn triển khai: Năm 2026.

5. Phát triển dữ liệu số

a) Triển khai 100% cơ quan, đơn vị ban hành danh mục và đặc tả cơ sở dữ liệu quản lý nhà nước cơ quan, đơn vị.

- Cơ quan chủ trì: Các cơ quan, đơn vị.

- Thời hạn hoàn thành: Tháng 6/2026.

b) Triển khai cung cấp thêm mới ít nhất 02 danh mục dữ liệu mở, đảm bảo 100% cơ quan nhà nước phát triển, cung cấp dữ liệu mở theo Danh mục dữ liệu mở thành phố phục vụ cho người dân, doanh nghiệp, thúc đẩy đổi mới sáng tạo dựa trên dữ liệu.

- Cơ quan chủ trì: Phòng Văn hóa - Xã hội; Trung tâm Phục vụ hành chính công.

- Cơ quan phối hợp: Các cơ quan, đơn vị.

- Thời gian hoàn thành: Tháng 9/2026.

c) Rà soát, cập nhật Danh mục dữ liệu mở năm 2026 của thành phố Đà Nẵng

- Cơ quan chủ trì: Phòng Văn hóa - Xã hội.

- Cơ quan phối hợp: Các cơ quan, đơn vị.

- Thời gian hoàn thành: Năm 2026.

d) Số hoá các tài liệu của phường

- Cơ quan chủ trì: Phòng Văn hóa - Xã hội.

- Cơ quan phối hợp: Các cơ quan, đơn vị.

- Thời gian hoàn thành: Năm 2026.

đ) Triển khai hoàn thiện các cơ sở dữ liệu chuyên ngành trên địa bàn phường

(Nội dung thực hiện theo Kế hoạch số 159/UBND-SKHCHN ngày 10/11/2025 của UBND thành phố về hoàn thiện các cơ sở dữ liệu chuyên ngành trên địa bàn thành phố Đà Nẵng)

6. An toàn thông tin mạng

a) Phối hợp các ngành thành phố triển khai tổ chức diễn tập thực chiến ứng cứu sự cố ATTT cho cán bộ chuyên trách ATTT trên địa bàn phường.

- Cơ quan chủ trì: Công an phường, Phòng Văn hoá - Xã hội.

- Cơ quan phối hợp: Các cơ quan, đơn vị.

- Thời gian hoàn thành: Tháng 11/2026

b) Phối hợp các ngành thành phố bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ cho các hệ thống thông tin, 100% hệ thống thông tin được triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn thông tin theo Hồ sơ đề xuất cấp độ đã được phê duyệt.

- Cơ quan chủ trì: Công an phường; Phòng Văn hóa - Xã hội.

- Cơ quan phối hợp: Các cơ quan, đơn vị

- Thời gian hoàn thành: Năm 2026.

c) Phối hợp các ngành thành phố định kỳ tổ chức hoạt động kiểm tra, đánh giá tuân thủ các quy định, giám sát việc thực hiện công tác bảo đảm an toàn thông tin mạng trong phạm vi quản lý, tối thiểu 01 lần/01 năm; đối với hệ thống thông tin cấp độ 5, tối thiểu 06 tháng/01 lần.

- Cơ quan chủ trì: Công an phường.

- Cơ quan phối hợp: Các cơ quan, đơn vị.

- Thời gian hoàn thành: Năm 2026.

d) Phối hợp với các ngành thành phố triển khai các nhiệm vụ theo Thông báo

số 06-TB/CQTTBCĐ ngày 27/9/2025 về kết luận của đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm, Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương tại phiên họp Thường trực Ban Chỉ đạo về công tác bảo đảm an ninh mạng, bảo mật thông tin, an toàn dữ liệu

- Cơ quan chủ trì: Công an phường
- Cơ quan phối hợp: Các cơ quan, đơn vị
- Thời gian hoàn thành: Năm 2026.

7. Chính quyền số

a) Khai thác, sử dụng hiệu quả CSDL và phần mềm quản lý nhà nước chuyên ngành đã được đầu tư, xây dựng.

- Cơ quan chủ trì: Các cơ quan, đơn vị
- Thời gian hoàn thành: Năm 2026

b) Ứng dụng Nền tảng Trợ lý số hỗ trợ rà soát văn bản quy phạm pháp

luật.

- Cơ quan chủ trì: Văn phòng HĐND và UBND phường.
- Cơ quan phối hợp: Các cơ quan, đơn vị
- Thời gian hoàn thành: Năm 2026

c) Phối hợp triển khai, giới thiệu các nền tảng số của doanh nghiệp Đà Nẵng phát triển.

- Cơ quan chủ trì: Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị, Phòng Văn hóa – Xã hội
- Cơ quan phối hợp: Các cơ quan, đơn vị
- Thời hạn hoàn thành: Năm 2026

d) Triển khai, tăng cường ứng dụng trí tuệ nhân tạo, trợ lý ảo trong quản lý, điều hành, hỗ trợ hoạt động của CBCC.

- Cơ quan chủ trì: Các cơ quan, đơn vị
- Thời hạn hoàn thành: Năm 2026

8. Kinh tế số

a) Phối hợp với Thống kê thành phố đo lường kinh tế số theo công cụ, hướng dẫn của Tổng Cục Thống kê

- Cơ quan chủ trì: Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị
- Cơ quan phối hợp: Các cơ quan, đơn vị
- Thời gian thực hiện: Năm 2026

b) Thúc đẩy chuyển đổi số doanh nghiệp nhỏ và vừa.

- Cơ quan chủ trì: Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị
- Cơ quan phối hợp: Các cơ quan, đơn vị và Tổ công nghệ số cộng đồng và Đề án 06
- Thời gian thực hiện: Năm 2026

c) Triển khai phối hợp quảng bá, giới thiệu để nhân rộng sản phẩm địa phương

- Cơ quan chủ trì: Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị
 - Cơ quan phối hợp: Các cơ quan, đơn vị
 - Thời gian thực hiện: Năm 2026

d) Phối hợp với cơ quan Thuế cơ sở 3 hướng dẫn và triển khai thực hiện 100% kết nối, chuyển dữ liệu hoá đơn điện tử máy tính tiền của các cơ sở kinh doanh về cơ quan thuế.

- Cơ quan chủ trì: Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị
- Cơ quan phối hợp: Các cơ quan, đơn vị
- Thời gian thực hiện: Năm 2026

9. Xã hội số

a) Triển khai mỗi người dân (trưởng thành) có một danh tính số, tài khoản số, có một chữ ký số cá nhân để sử dụng dịch vụ công trực tuyến, dịch vụ/tiện ích số.

- Cơ quan chủ trì: Công an phường, Phòng Văn hóa - Xã hội
- Cơ quan phối hợp: Các cơ quan, đơn vị
- Thời gian thực hiện: Năm 2026

b) Triển khai mỗi hộ kinh doanh, mỗi người dân (trưởng thành) có một tài khoản thanh toán không dùng tiền mặt.

- Cơ quan chủ trì: Phòng Kinh tế, hạ tầng và Đô thị; Trung tâm Cung ứng dịch vụ sự nghiệp công
- Cơ quan phối hợp: Phòng Văn hóa - Xã hội; Tổ công nghệ số cộng đồng và Đề án 06
- Thời gian thực hiện: Năm 2026

c) Triển khai mỗi người dân được hướng dẫn, phổ cập kỹ năng đảm bảo an toàn thông tin mạng ở mức cơ bản.

- Cơ quan chủ trì: Công an phường
- Cơ quan phối hợp: Phòng Văn hóa - Xã hội

- Thời gian thực hiện: Năm 2026

d) Triển khai trường học số theo Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030"; ưu tiên trong công tác quản lý, quản trị nhà trường; trong công tác giảng dạy và học tập; triển khai và sử dụng hồ sơ học bạ điện tử.

- Cơ quan chủ trì: Phòng Văn hóa - Xã hội

- Cơ quan phối hợp: Các trường Tiểu học, THCS trên địa bàn phường

- Thời gian thực hiện: Năm 2026

đ) Phối hợp triển khai bệnh viện số, ưu tiên phục vụ công tác quản lý hành chính tại bệnh viện; hỗ trợ công tác khám, chữa bệnh tại chỗ và từ xa; triển khai và sử dụng hồ sơ bệnh án điện tử, tiến tới không sử dụng bệnh án giấy, thanh toán viện phí không dùng tiền mặt.

- Cơ quan chủ trì: Trung tâm Y tế khu vực Sơn Trà; Phòng Văn hóa - Xã hội; Trạm Y tế phường.

- Thời gian thực hiện: Năm 2026

e) Xây dựng Không gian đổi mới sáng sáng tạo và chuyển đổi số phường để tổ chức, người dân dễ dàng tiếp cận, trực tiếp trải nghiệm thực tế.

- Cơ quan chủ trì: Phòng Văn hóa - Xã hội; Trung tâm Cung ứng dịch vụ sự nghiệp công phường

- Cơ quan phối hợp: Các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp CNTT, trường đại học, cao đẳng trên địa bàn phường

- Thời gian thực hiện: Năm 2026

g) Phối hợp tổ chức chuẩn hóa thông tin đăng ký thuế của cá nhân làm cơ sở triển khai nâng cấp, mở rộng các ứng dụng đáp ứng việc sử dụng mã định danh cá nhân làm mã số thuế cá nhân theo quy định của Luật quản lý thuế

- Cơ quan chủ trì: Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị

- Cơ quan phối hợp: Các cơ quan, đơn vị

- Thời gian thực hiện: Năm 2026

h) Tiếp tục đẩy mạnh, triển khai hiệu quả Phong trào Bình dân học vụ số gắn với học tập số; triển khai học tập trực tuyến

- Cơ quan chủ trì: Phòng Văn hóa - Xã hội.

- Cơ quan chủ trì: Các cơ quan, đơn vị thuộc phường; Tổ Công nghệ số cộng đồng.

- Thời gian thực hiện: Năm 2026

10. Nâng cao nhận thức, tuyên truyền, truyền thông và các giải pháp khác đẩy mạnh chuyển đổi số, đảm bảo an toàn thông tin

a) Hướng dẫn triển khai truyền thông, hướng dẫn chuyển đổi số qua các kênh truyền thông; phát hiện, tôn vinh, phổ biến các câu chuyện, bài học, mô hình chuyển đổi số thành công.

- Cơ quan chủ trì: Trung tâm Cung ứng dịch vụ sự nghiệp công phường
- Cơ quan phối hợp: Phòng Văn hóa - Xã hội và các cơ quan, đơn vị liên quan

- Thời gian hoàn thành: Năm 2026

b) Tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số quốc gia (10/10).

- Cơ quan chủ trì: Phòng Văn hóa - Xã hội
- Cơ quan phối hợp: Các cơ quan, đơn vị
- Thời gian hoàn thành: Năm 2026

IV. KINH PHÍ

1. Kinh phí thực hiện Kế hoạch được thành phố bố trí trong dự toán ngân sách hằng năm của phường theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành.

2. Ngoài nguồn ngân sách nhà nước, các phòng, đơn vị, đoàn thể có liên quan chủ động huy động sự tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Tổ công tác khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 phường

a) Chỉ đạo, đôn đốc, điều phối chung việc triển khai các hoạt động chuyển đổi số trên địa bàn phường và các mục tiêu, chỉ tiêu năm 2026 tại Kế hoạch này.

b) Định kỳ tổ chức rà soát tiến độ triển khai, chỉ đạo xử lý kịp thời các khó khăn vướng mắc phát sinh.

2. Phòng Văn hóa - Xã hội phường

a) Là cơ quan thường trực, theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, đánh giá, tổng hợp tình hình triển khai các mục tiêu, nhiệm vụ tại Kế hoạch này; định kỳ báo cáo Ban Chỉ đạo thực hiện Nghị quyết 57 phường, UBND phường, Tổ công tác khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 phường.

b) Tham mưu tổ chức các phiên họp định kỳ hoặc đột xuất và chủ động nắm bắt, tổng hợp các khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai Kế hoạch và phối hợp với các cơ quan, đơn vị báo cáo Ban Chỉ đạo, UBND phường xem xét, quyết định.

3. Công an phường

Chủ trì, theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, đánh giá, tổng hợp tình hình triển khai các mục tiêu, nhiệm vụ liên quan đến Đề án 06 tại Kế hoạch này; định kỳ hàng tháng báo cáo về UBND phường để tổng hợp, báo cáo thành phố.

4. Phòng Kinh tế , Hạ tầng và Đô thị phường

Tham mưu, đề xuất bố trí, đảm bảo kinh phí thực hiện các nhiệm vụ tại Kế hoạch này, tăng dần theo yêu cầu phát triển và đảm bảo theo quy định của pháp luật hiện hành.

5. Các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, Trường học, Tổ công nghệ số cộng đồng phường

a) Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, xây dựng kế hoạch triển khai các nội dung nhiệm vụ Chuyển đổi số năm 2026 tại Kế hoạch này. Định kỳ báo cáo tiến độ thực hiện về UBND phường (qua Phòng Văn hóa - Xã hội) trước ngày 25 hằng tháng.

b) Trên cơ sở nội dung Kế hoạch, xây dựng dự toán kinh phí đảm bảo triển khai hiệu quả nhiệm vụ được giao, gửi Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phối hợp Phòng Văn hóa - Xã hội thẩm định, tham mưu UBND phường bố trí kinh phí thực hiện theo đúng quy định; đồng thời chủ động huy động các nguồn kinh phí xã hội hóa khác để thực hiện nhiệm vụ.

c) Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc hoặc vấn đề phát sinh cần điều chỉnh, bổ sung; các cơ quan, đơn vị chủ động phối hợp với Phòng Văn hóa - Xã hội để tham mưu UBND phường báo cáo thành phố xem xét điều chỉnh.

6. Đề nghị các đơn vị doanh nghiệp, trường đại học, cao đẳng lĩnh vực công nghệ số

a) Hỗ trợ triển khai các hoạt động nghiên cứu, xây dựng các nền tảng, giải pháp công nghệ hỗ trợ chuyển đổi số cho doanh nghiệp nhỏ tại địa phương.

b) Tham gia hỗ trợ xây dựng và các hoạt động tại Không gian Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số phường, hỗ trợ các tổ chức doanh nghiệp ngành nghề khác, người dân trên địa bàn phường về hoạt động chuyển đổi số.

Trên đây là Kế hoạch triển khai các nhiệm vụ Chuyển đổi số năm 2026

trên địa bàn phường; UBND phường đề nghị các cơ quan, đơn vị thuộc phường và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan nghiêm túc triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- UBND thành phố (báo cáo);
- Công an thành phố;
- Sở Khoa học và Công nghệ;
- BCĐ thực hiện NQ57 phường;
- TT Đảng ủy, TT HĐND phường;
- Chủ tịch, các PCT UBND phường;
- Các cơ quan liên quan: thuế, y tế, BHXH;
- Các cơ quan, đơn vị thuộc phường (th/hiện);
- Các Tổ CNSCĐ và Đề án 06 thuộc phường;
- Lưu: VT, VHXX.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Thị Nhớ

Phụ lục

BỘ CHỈ SỐ ĐÁNH GIÁ, XẾP HẠNG CHUYỂN ĐỔI SỐ DÀNH CHO XÃ/PHƯỜNG

(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày tháng 01 năm 2026 của UBND phường An Hải)

I. HƯỚNG DẪN CHUNG

1. Các thông tin, văn bản dùng để xác minh cho số liệu (có hướng dẫn cung cấp cụ thể tại mỗi tiêu chí) phải được chuẩn bị trước và cung cấp đính kèm theo báo cáo cho Hội đồng đánh giá. Đối với các số liệu mà cơ quan không chuẩn bị và không cung cấp bằng chứng xác minh thì xem như không được tính điểm. Hội đồng đánh giá không xem xét đối với mọi trường hợp bổ sung sau.

2. Mỗi phần mềm ứng dụng chỉ được tính điểm 01 lần duy nhất trong toàn bộ Bộ chỉ số (tức là đã tính điểm ở Mục này rồi thì không được tính điểm ở Mục khác).

3. Đối với những tiêu chí hỏi về tỷ lệ: Điền tỷ lệ trong khoảng từ 0% đến 100% vào cột số liệu, tại cột Giải thích chứng minh số liệu ghi rõ cách tính tỷ lệ (số lượng đạt được/Tổng số) và điểm số của các tiêu chí hỏi về tỷ lệ được tính như sau:

Điểm = Tỷ lệ đạt được * Mức điểm tối đa của tiêu chí.

4. Thời kỳ báo cáo cung cấp số liệu: Từ 01/01 của năm đánh giá đến 31/12 năm đánh giá (Ví dụ: năm đánh giá là năm 2026 thì thời kỳ báo cáo cung cấp số liệu là từ 01/01/2026 đến 31/12/2026)

II. CHI TIẾT BỘ CHỈ SỐ

STT	Chỉ số	Cách tính điểm	Điểm tối đa	Số liệu kê khai	Giải trình/Tài liệu kiểm chứng	Điểm tự đánh giá	Cơ quan, đơn vị chủ trì thực hiện, tham mưu báo cáo
I	THÔNG TIN CHUNG						
1	Tên cơ quan	UBND phường An Hải					Phòng Văn hóa - Xã hội

2	Trang Thông tin điện tử						Trung tâm Cung ứng dịch vụ sự nghiệp công
3	Số lượng đơn vị thuộc/trực thuộc (không kể trường học, bệnh viện)						Phòng Văn hóa-Xã hội
4	Số lượng công chức						Phòng Văn hóa-Xã hội
5	Số lượng viên chức						Phòng Văn hóa -Xã hội
6	Số lượng máy chủ (bao gồm máy chủ vật lý, máy chủ ảo)						Phòng Văn hóa -Xã hội
7	Số lượng máy trạm (bao gồm máy tính để bàn, máy tính xách tay)						Phòng Văn hóa -Xã hội
8	Số lượng hệ thống thông tin						Phòng Văn hóa - Xã hội
9	Số lượng thủ tục hành chính						Các cơ quan, đơn vị phường
10	Số lượng dân số trên địa bàn						Phòng Văn hóa - Xã hội
11	Số lượng dân số trưởng thành (từ 15 tuổi trở lên)						Phòng Văn hóa - Xã hội
12	Số lượng hộ gia đình trên địa bàn						Phòng Văn hóa - Xã hội
13	Số lượng thôn, tổ dân phố trên địa bàn						Phòng Văn hóa - Xã hội
14	Số lượng Tổ công nghệ số cộng đồng trên địa bàn						Phòng Văn hóa - Xã hội
II	NHẬN THỨC SỐ		11				

1	Người đứng đầu cơ quan chủ trì các cuộc họp chuyên đề về chuyển đổi số	<p>Không tổ chức các cuộc họp chuyên đề về chuyển đổi số: 0 điểm;</p> <p>Có tổ chức cuộc họp chuyên đề về chuyển đổi số có lãnh đạo chủ trì nhưng không phải người đứng đầu: Điểm = 0,5 điểm * số cuộc họp nhưng không quá điểm tối đa;</p> <p>Có tổ chức cuộc họp chuyên đề về chuyển đổi số do người đứng đầu chủ trì (mỗi cuộc tính: 01 điểm).</p> <p><i>Không tính cuộc họp thường xuyên như họp giao ban cơ quan,... có lồng ghép nội dung chuyển đổi số. Có thể được tổ chức chung nội dung với Đề án 06, CCHC, lồng ghép chung hội nghị sơ kết, tổng kết.</i></p>	2		Cung cấp các văn bản, tài liệu liên quan (như giấy mời, email mời họp, thông báo kết luận,...)		Các cơ quan, đơn vị tại phường
2	Trang thông tin điện tử của cơ quan có chuyên mục tuyên truyền về chuyển đổi số	<p>-Trang TTĐT có chuyên mục về chuyển đổi số và:</p> <p>+ Đã đăng tải tối thiểu 10 bài viết, tin bài tuyên truyền về chuyển đổi số trong năm. Điểm = 0,5 điểm;</p> <p>+ Đã đăng tải tối thiểu 20 bài viết, tin bài tuyên truyền về chuyển đổi số trong năm. Điểm = 1 điểm;</p> <p>Đã đăng tải tối thiểu 30 bài viết, tin bài tuyên truyền về chuyển đổi số trong năm. Điểm = 1,5 điểm;</p> <p>Đã đăng tải tối thiểu 40 bài viết, tin bài tuyên truyền về chuyển đổi số trong năm. Điểm = 2 điểm.</p>	2		Cung cấp đường link và số lượng tin bài đã đăng tải		Trung tâm Cung ứng dịch vụ sự nghiệp công
3	Tổ chức hội nghị, hội thảo, tọa đàm, cuộc thi tuyên truyền, nâng cao nhận thức về chuyển đổi số, giới thiệu	Điểm = 0,5 * số cuộc họp nhưng không quá điểm tối đa	2		Cung cấp các văn bản, tài liệu liên quan (như kế		Các cơ quan, đơn vị phường

	các mô hình, ứng dụng công nghệ số cho CBCCVC và người dân, doanh nghiệp				hoạch tổ chức, giấy mời, hình ảnh, tin bài đăng trên trang thông tin điện tử hoặc Cổng 1022,...)	
4	Có văn bản chỉ đạo đẩy mạnh công tác triển khai chuyển đổi số trong CBCCVC tại cơ quan, đơn vị/ đến các đơn vị, đối tượng quản lý của cơ quan, đơn vị	Có ít nhất 01 văn bản chỉ đạo: 0,5 điểm. Có từ 02 văn bản chỉ đạo trở lên: 01 điểm	1			Phòng Văn hóa -Xã hội và các cơ quan, đơn vị tại phường
5	Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp khi sử dụng dịch vụ công do cơ quan, đơn vị cung cấp	Tỷ lệ hài lòng của tổ chức, công dân, doanh nghiệp 100%: 02 điểm; Tỷ lệ hài lòng của tổ chức, công dân, doanh nghiệp từ 90- 100%: 01 điểm; - Tỷ lệ hài lòng của tổ chức, công dân, doanh nghiệp dưới 90%: 0 điểm	2			Trung tâm Phục vụ hành chính công
6	Hệ thống truyền thanh cơ sở có tổ chức thực hiện tuyên truyền về chuyển đổi số	Đã có chuyên mục riêng về chuyển đổi số: 0,5 điểm. - Tần suất phát sóng: + Từ 52 tin trở lên: 1,5 điểm; + Từ 26 đến dưới 52 tin: 1 điểm; + Dưới 26 tin: 0 điểm; Trường hợp tại phường, xã không có hệ thống truyền thanh cơ sở thì tính điểm đặc thù	2		Cung cấp hình ảnh, thống kê danh sách tin phát sóng	Trung tâm Cung ứng dịch vụ sự nghiệp công
II	THẺ CHẾ SỐ		12			

1	Ban hành Kế hoạch triển khai Phong trào “Bình dân học vụ số” và Kế hoạch hoạt động Tổ CNSCĐ trong năm	- Mỗi kế hoạch được ban hành: 0,5 điểm. Không ban hành Kế hoạch: 0 điểm	1				Phòng Văn hóa – Xã hội
2	Kế hoạch chuyển đổi số hàng năm	Đã ban hành kế hoạch của năm đánh giá (ban hành trong thời gian 30 kể từ khi Kế hoạch chuyển đổi số thành phố ban hành): 1 điểm; Đã ban hành kế hoạch của năm đánh giá (ban hành sau thời gian 30 ngày kể từ khi Kế hoạch chuyển đổi số thành phố được ban hành): 0,5 điểm; Chưa ban hành: 0 điểm.	1				Phòng Văn hóa – Xã hội và các cơ quan, đơn vị phường
3	Tổ chức đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch chuyển đổi số của cơ quan, đơn vị	1. Có tổ chức kiểm tra, đánh giá, báo cáo kết quả : 1 điểm; Không thực hiện: 0 điểm. Kết quả đánh giá : Tỷ lệ hoàn thành các nhiệm vụ từ 90% trở lên: 01 điểm; -Tỷ lệ hoàn thành các nhiệm vụ từ 75% đến dưới 90%: 0,75 điểm; Tỷ lệ hoàn thành các nhiệm vụ từ 50% đến dưới 75%:0,5 điểm; Tỷ lệ hoàn thành các nhiệm vụ dưới 50%: 0 điểm; Nếu không ban hành Kế hoạch thì tính 0 điểm. Trong báo cáo phải có số liệu cụ thể số lượng nhiệm vụ; nếu không có số liệu thì không tính điểm.	2		Cung cấp văn bản, báo cáo, tài liệu chứng minh kết quả, sản phẩm hoàn thành		Phòng Văn hóa – Xã hội và các cơ quan, đơn vị phường
4	Kết quả thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ chuyển đổi số của thành phố	Kết quả thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ chuyển đổi số hàng năm của thành phố giao cho cơ quan, đơn vị: Đã hoàn thành 100% chỉ tiêu, nhiệm vụ,	2		Cung cấp văn bản, báo cáo, tài liệu chứng minh kết quả,		Phòng Văn hóa – Xã hội và các cơ quan, đơn vị phường

		có sản phẩm, kết quả đầu ra: 02 điểm; Hoàn thành mức độ từ 75% đến dưới 100% các chỉ tiêu, nhiệm vụ: 1,5 điểm; Hoàn thành mức độ từ 50% đến dưới 75% các chỉ tiêu, nhiệm vụ: 1 điểm; Chưa hoàn thành hoặc mức độ hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ dưới 50%: 0 điểm.			sản phẩm hoàn thành	
5	Ban hành chính sách hỗ trợ, khuyến khích chuyển đổi số như: chính sách hỗ trợ chi phí dịch vụ bưu chính công ích; chính sách hỗ trợ chi phí thanh toán trực tuyến; chính sách giảm thời gian xử lý hồ sơ trực tuyến;...	Mỗi chính sách ban hành được tính 0,5 điểm; Chính sách đã được áp dụng trong thực tế và có số liệu chứng minh cụ thể: 1 điểm. Tối đa không quá 02 điểm	2		Cung cấp văn bản, tài liệu chứng minh ban hành chính sách và số liệu áp dụng thực tế	Trung tâm Phục vụ hành chính công
6	Tỷ lệ văn bản góp ý xây dựng văn bản QPPL, văn bản chỉ đạo, hướng dẫn phục vụ công tác đẩy mạnh chuyển đổi số thành phố	Trường hợp thống nhất với dự thảo, cơ quan không có gửi văn bản nhưng có gửi thông nhất qua email vẫn được tính. - Trường hợp gửi văn bản hoặc email trễ hạn so với yêu cầu thì không tính.	1		Số liệu do Sở KH&CN tổng hợp, đánh giá (trường hợp khác thì đơn vị có giải trình)	Phòng Văn hóa – Xã hội và các cơ quan, đơn vị phường
7	Tỷ lệ báo cáo định kỳ cơ quan đã thực hiện/Tổng số báo cáo định kỳ theo quy định của UBND thành phố	Các báo cáo định kỳ: Báo cáo kết quả chuyển đổi số; Báo cáo Phong trào "Bình dân học vụ số" gắn với "Học tập số"; trong năm đánh giá- Điểm = số lượng báo cáo đã thực hiện/ tổng số báo cáo định kỳ - Văn bản gửi báo cáo trễ hạn so với yêu cầu xem như không gửi báo cáo	1		Số liệu do Sở KH&CN tổng hợp, đánh giá (trường hợp khác thì đơn vị có giải trình)	Phòng Văn hóa – Xã hội và các cơ quan, đơn vị phường
8	Tỷ lệ chi ngân sách của cơ quan cho chuyển đổi số	-Tỷ lệ chi cho chuyển đổi số đạt tối thiểu 1% tổng chi ngân sách nhà nước hàng	2		Cung cấp hóa	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị và các cơ

		<p>năm; Đạt: 2 điểm; Không đạt: 0 điểm.</p> <p>- Nội dung chi cho chuyển đổi số của cơ quan, đơn vị bao gồm:</p> <p>+ Kinh phí mua sắm, sửa chữa, bảo hành thiết bị (máy tính, máy quét, mạng LAN...); cho đường truyền Internet, phí lưu ký phần mềm (hosting)...</p> <p>+ Kinh phí cho ứng dụng công nghệ số (Kinh phí dành cho mua sắm phần mềm, phát triển, nâng cấp, triển khai phần mềm ứng dụng, vận hành, bảo trì hệ thống,...)</p> <p>+ Kinh phí cho tuyên truyền, tập huấn, đào tạo về chuyển đổi số</p>			đơn, chứng từ liên quan		quan, đơn vị tiếp nhận sử dụng
III	HẠ TẦNG SỐ		5				
1	Số lượng máy trạm (máy tính để bàn/xách tay) có đầu tư hệ điều hành có bản quyền hoặc nguồn mở/Tổng số máy tính của cơ quan	<p>Chỉ chọn 1 hệ điều hành và tính 1 lần đối với các máy tính có sử dụng nhiều hệ điều hành.</p> <p>Cơ quan phải cung cấp danh sách những máy tính được trang bị bản quyền hệ điều hành, đơn vị kiểm tra thực hiện đánh giá mẫu, nếu có ít nhất 01 máy trong danh sách không đáp ứng thì đánh giá 0 điểm.</p>	2		Cung cấp danh sách máy tính		Phòng Văn hóa – Xã hội và các cơ quan, đơn vị phường
2	Máy trạm (máy tính để bàn/xách tay) có sử dụng phần mềm phòng chống mã độc tập trung/Tổng số máy tính	<p>Đạt 100% thì được 1 điểm, dưới 100% thì 0 điểm;</p> <p>Đối với các máy tính có cấu hình quá thấp không thể cài đặt phần mềm phòng chống mã độc tập trung thì không tính điểm.</p> <p>Tuy nhiên Cơ quan phải cung cấp danh sách các máy tính có cấu hình thấp cho đoàn kiểm tra; trường hợp không cung cấp hoặc có cung cấp nhưng đoàn kiểm</p>	1		Cung cấp danh sách máy tính. (Phối hợp với Công an thành phố để cung cấp số liệu)		Phòng Văn hóa – Xã hội và các cơ quan, đơn vị phường

		tra tiến hành kiểm tra mẫu và xác nhận cấu hình đảm bảo thì đánh giá 0 điểm.				
3	Bố trí máy tính cho bộ phận một cửa đảm bảo yêu cầu về năng lực, cấu hình và an toàn thông tin	Kiểm tra tất cả máy tính tại bộ phận một cửa đảm bảo năng lực, cấu hình và an toàn thông tin kết nối với CSDL quốc gia về dân cư theo hướng dẫn của Sở KH&CN (máy tính cài đặt hệ điều hành có bản quyền, cài đặt phần mềm phòng chống mã độc tập trung, đặt mật khẩu có độ phức tạp cao,...): 100% máy tính đạt yêu cầu: đạt điểm tối đa. - Dưới 100%: 0 điểm Đối với các sở, ban, ngành không có bộ TTHC thì được tính điểm đặc thù	2		- Máy tính đảm bảo cấu hình theo hướng dẫn của Sở Khoa học và Công nghệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công
IV	ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ SỐ		35			
1	Hệ thống thông tin giải quyết TTHC	Hồ sơ được sử dụng để đánh giá bao gồm hồ sơ tại sở, ngành và đơn vị trực thuộc (nếu có). Trường hợp cơ quan không cung cấp TTHC thì không tính tiêu chí này trong thang điểm và thực hiện quy đổi về thang điểm 100	11			
1.1	Tiếp nhận 100% hồ sơ trên hệ thống thông tin giải quyết TTHC	Đạt 100%: đạt điểm tối đa, Dưới 100%: 0 điểm	1		Cung cấp số liệu đạt được, tài liệu chứng minh	Trung tâm Phục vụ hành chính công
1.2	Tỷ lệ hồ sơ được xử lý sớm, đúng hạn	- Tỷ lệ hồ sơ xử lý trước hạn, đúng hạn = (Số hồ sơ đã xử lý sớm và đúng hạn + Số hồ sơ đang xử lý trong hạn)/Tổng số hồ sơ tiếp nhận.- Số liệu được xuất trên hệ	2		Cung cấp số liệu đạt được, tài liệu chứng	Trung tâm Phục vụ hành chính công

		<p>thống thông tin giải quyết TTHC, chỉ xem xét các trường hợp hồ sơ trễ hạn do lỗi, sự cố mạng, hệ thống; không xem xét các hồ sơ trễ hạn do lỗi chủ quan của đơn vị được đánh giá.- Đối với các thủ tục do bộ, ngành triển khai, trong trường hợp có quy định riêng về tỉ lệ trễ hạn thì được giảm trừ khỏi tỉ lệ chung khi cung cấp được quy định liên quan</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đạt 100%: 2 điểm; - Đạt từ 95%-dưới 100%:1 điểm; - Đạt dưới 95%: 0 điểm 			minh		
1.3	Số lượng hồ sơ được luân chuyển, xử lý toàn trình trên phần mềm, có đính kèm dự thảo, được Lãnh đạo cơ quan ký số, và kết nối với phần mềm QLVBDH để ban hành văn bản kết quả giải quyết hồ sơ (ngoại trừ các hồ sơ xác nhận vào đơn hoặc kết quả giải quyết không lấy số từ hệ thống quản lý văn bản điều hành).	<p>Lấy mẫu ít nhất 30 hồ sơ; đếm số hồ sơ không được luân chuyển xử lý toàn trình:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 0 hồ sơ: 1 điểm; - Có từ 1 đến dưới 5 hồ sơ: 0,5 điểm; - Có từ 5 hồ sơ trở lên: 0 điểm; 	1		Cung cấp số liệu đạt được, tài liệu chứng minh		Trung tâm Phục vụ hành chính công; Các cơ quan, đơn vị
1.4	Tỷ lệ hồ sơ TTHC số hóa thành phần hồ sơ đầu vào theo quy định	<ul style="list-style-type: none"> - 100%: 1 điểm; - Từ 75% đến dưới 100%: 0,75 điểm; - Từ 50% đến dưới 75%: 0,5 điểm; - Từ 25% đến dưới 50%: 0,25 điểm; - Dưới 25%: 0 điểm; <p>Không tính các thành phần hồ sơ không bắt buộc số hóa theo quy định. Trường hợp thủ tục hành chính thực hiện trên Phần mềm của Bộ ngành và Phần</p>	1		Cung cấp số liệu đạt được, tài liệu chứng minh		Trung tâm Phục vụ hành chính công

		mềm thành phố chưa hỗ trợ chức năng số hóa thành phần hồ sơ thì không tính điểm số lượng hồ sơ này (Cơ quan phải cung cấp danh mục số lượng hồ sơ)					
1.5	Tỷ lệ kết quả giải quyết TTHC trong năm đánh giá được số hóa theo quy định	Tính Số lượng kết quả giải quyết TTHC đã có trong Kho kết quả /tổng số kết quả giải quyết TTHC - Đạt 100%: chám tối đa điểm; - Từ 75% đến dưới 100%: 0,75 điểm; - Từ 50% đến dưới 75%: 0,5 điểm; Dưới 50%: 0 điểm.	1		Cung cấp số liệu đạt được, tài liệu chứng minh		Trung tâm Phục vụ hành chính công, các cơ quan chuyên môn
1.6	Tỷ lệ kết quả giải quyết TTHC còn hiệu lực được số hóa	Tính Số lượng kết quả TTHC đã số hóa /Số kết quả TTHC còn hiệu lực theo Kế hoạch số hóa của cơ quan đã ban hành: Đạt từ 95% trở lên: chám tối đa điểm; - Từ 75% đến dưới 95%: 1,5 điểm; - Từ 50% đến dưới 75%: 1 điểm; - Từ 30% đến dưới 50%: 0,5 điểm; - Dưới 30%: 0 điểm; Các cơ quan chưa ban hành Kế hoạch số hóa TTHC thì không tính điểm Không tính các kết quả xác nhận vào đơn.	2		Cung cấp số liệu đạt được, tài liệu chứng minh		Trung tâm Phục vụ hành chính công, các cơ quan chuyên môn
1.7	Tỷ lệ tái sử dụng dữ liệu số và kết quả giải quyết TTHC số trong giải quyết TTHC	Có ban hành Bộ TTHC theo hướng tái sử dụng dữ liệu số và kết quả TTHC trong Kho TTHC số trong cung cấp TTHC: 0,5 điểm; Có phát sinh hồ sơ tái sử dụng kết quả TTHC trong Kho TTHC số trong cung cấp TTHC trong năm đánh giá: mỗi dữ liệu số/kết quả TTHC số tái sử dụng được tính 0,5 điểm; tối đa không quá 1,5 điểm	2		Cung cấp số liệu đạt được, tài liệu chứng minh		Trung tâm Phục vụ hành chính công

1.8	Đã triển khai sử dụng biên lai điện tử cho phí, lệ phí thủ tục hành chính trên hệ thống thông tin giải quyết TTHC	Hoàn thành cấu hình và kết nối với hệ thống thông tin giải quyết TTHC: 1 điểm Không đạt: 0 điểm; (Nếu cơ quan không có TTHC có phí, lệ phí thì không tính tiêu chí này trong thang điểm của đơn vị và thực hiện quy đổi về thang điểm 100)	1		Cung cấp số liệu đạt được, tài liệu chứng minh	Trung tâm Phục vụ hành chính công
2	Phần mềm Quản lý văn bản và điều hành		11			
2.1	Tỷ lệ văn bản đến (trừ văn bản mật) được nhập trên Phần mềm QLVBDH/Tổng số văn bản đến	- Đạt 100%: đạt điểm tối đa - Dưới 100%: 0 điểm Không tính văn bản đến vào các ngày lễ, tết	1		Cung cấp số liệu đạt được, tài liệu chứng minh	Văn phòng HĐND và UBND và các cơ quan, đơn vị
2.2	Tỷ lệ văn bản đi (trừ văn bản mật) được nhập trên Phần mềm QLVBDH/Tổng số văn bản đi	Đạt 100%: đạt điểm tối đa, Dưới 100%: 0 điểm	1		Cung cấp số liệu đạt được, tài liệu chứng minh	Văn phòng HĐND và UBND và các cơ quan, đơn vị
2.3	Tỷ lệ văn bản đến được Ban Giám đốc và Lãnh đạo Văn phòng của cơ quan trực tiếp bút phê và có ý kiến khi chuyển xử lý trên Phần mềm QLVBDH hoặc lãnh đạo cơ quan lưu kết thúc và không bút phê/Tổng số văn bản đến	Điểm = tỷ lệ x điểm tối đa	1		Cung cấp số liệu đạt được, tài liệu chứng minh	Văn phòng HĐND và UBND và các cơ quan, đơn vị
2.4	Tỷ lệ văn bản đi có đính kèm dự thảo trên phần mềm khi xử lý đề trình các cấp lãnh đạo/Tổng số văn bản đi	Không tính văn bản được chuyển từ hệ thống giải quyết TTHC trên tổng số văn bản đi	1		Cung cấp số liệu đạt được, tài liệu chứng minh	Văn phòng HĐND và UBND và các cơ quan, đơn vị
2.5	Tỷ lệ văn bản đến liên thông được văn thư tiếp nhận đúng thời hạn trên phần mềm/Tổng số văn bản được	Có ít nhất 80% văn bản được nhận trong vòng 04 giờ làm việc, tổng cộng có 100% văn bản được nhận trong vòng 08 giờ làm việc: 2 điểm.	2		Cung cấp số liệu đạt được, tài liệu chứng minh	Văn phòng HĐND và UBND và các cơ quan, đơn vị

	gửi đến liên thông (tính tại văn thư cơ quan)	Có từ 70% đến dưới 80% văn bản được nhận trong vòng 04 giờ làm việc, tổng cộng có từ 95% văn bản được nhận trong vòng 08 giờ làm việc: 1,5 điểm. Có từ 50% đến dưới 70% văn bản được nhận trong vòng 04 giờ làm việc, tổng cộng có từ 95% văn bản được nhận trong vòng 08 giờ làm việc: 1 điểm. Dưới 50% văn bản được nhận trong vòng 04 giờ làm việc hoặc tổng cộng dưới 95% văn bản được nhận trong vòng 08 giờ làm việc: 0 điểm.				
2.6	Văn bản đi gửi liên thông trong thành phố	Kiểm tra ít nhất 50 văn bản đi và đếm số lượng văn bản đi không được gửi liên thông đúng quy định (trong nơi nhận có cơ quan sử dụng phần mềm QLVBDH) 0 văn bản: 1 điểm; Từ 1-5 văn bản: 0,75 điểm; Từ 6-10 văn bản: 0,5 điểm; Trên 10 văn bản: 0 điểm.	1		Cung cấp số liệu đạt được, tài liệu chứng minh	Văn phòng HĐND và UBND và các cơ quan, đơn vị
2.7	Văn bản đi gửi liên thông tới các bộ, ngành, địa phương khác	Kiểm tra ít nhất 50 văn bản không được gửi liên thông đếm số lượng văn bản đi không được gửi liên thông đúng quy định (trong nơi nhận có cơ quan có thể gửi theo Trục liên thông văn bản quốc gia) 0 văn bản: 1 điểm; Từ 1- 5 văn bản: 0,5 điểm; Trên 5 văn bản: 0 điểm.	1		Cung cấp số liệu đạt được, tài liệu chứng minh	Văn phòng HĐND và UBND và các cơ quan, đơn vị
2.8	Tỷ lệ đơn vị trực thuộc triển khai sử dụng hiệu quả Phần mềm QLVBDH	Điểm = tỉ lệ số đơn vị gửi liên thông từ 80% trở lên tổng số văn bản đi + tỉ lệ số đơn vị tiếp nhận văn bản liên thông đúng hạn từ 80% trở lên + tỉ lệ đơn vị đính kèm dự thảo phần mềm khi trình phê	2		Cung cấp số liệu đạt được, tài liệu chứng minh	Văn phòng HĐND và UBND và các cơ quan, đơn vị

		duyet từ 80% trở lên (không kể văn bản được chuyển từ phần mềm MCDT)/3*điểm tối đa. Trường hợp không có cơ quan trực thuộc thì không tính tiêu chí này trong thang điểm của đơn vị và thực hiện quy đổi về thang điểm 100). Chỉ tính văn bản đi gửi liên thông cho các cơ quan, đơn vị có sử dụng Phần mềm QLVBDH				
2.9	Chất lượng lập hồ sơ công việc điện tử trên phần mềm QLVBDH	Sử dụng kết quả đánh giá của Sở Nội vụ	1		Cung cấp số liệu đạt được, tài liệu chứng minh	Các cơ quan, đơn vị
3	Ứng dụng chữ ký số văn bản điện tử (cả kết quả TTHC)	Không tính điểm đối với các văn bản không tuân thủ ký số theo Nghị định số 30/2020/NĐ- CP	6			
3.1	Tỷ lệ văn bản đến (bản giấy) được quét lên Phần mềm QLVBDH có chữ ký số của cơ quan	Lấy mẫu ít nhất 50 văn bản bất kỳ trong năm đánh giá (mỗi tháng lấy từ 4-5 văn bản)	1		Cung cấp số liệu đạt được, tài liệu chứng minh	Văn phòng HĐND và UBND và các cơ quan, đơn vị
3.2	Tỷ lệ văn bản đi sử dụng định dạng pdf chuẩn, được ký số lãnh đạo cơ quan và ký số cơ quan hợp lệ	Lấy mẫu ít nhất 50 văn bản đi (trừ các văn bản kết quả TTHC) trong năm đánh giá (mỗi tháng lấy từ 4-5 văn bản) - Đạt trên 98%: 2 điểm - Đạt trên 90%- 98%: 1,5 điểm - Đạt trên 80%- 90%: 1,0 điểm - Đạt trên 70%: 0,5 điểm - Đạt dưới 70% trở xuống: 0 điểm.	2		Cung cấp số liệu đạt được, tài liệu chứng minh	Văn phòng HĐND và UBND và các cơ quan, đơn vị
3.3	Tỷ lệ kết quả TTHC được ký số lãnh đạo cơ quan và ký số cơ quan hợp lệ	Lấy mẫu ít nhất 50 văn bản đi (trừ các văn bản kết quả TTHC) trong năm đánh giá (mỗi tháng lấy từ 4-5 văn bản) - Đạt trên 98%: 2 điểm	2		Cung cấp số liệu đạt được, tài liệu chứng minh	Văn phòng HĐND và UBND và các cơ quan, đơn vị

		<ul style="list-style-type: none"> - Đạt trên 90%-98%: 1,5 điểm - Đạt trên 80%-90%: 1,0 điểm - Đạt trên 70%:0,5 điểm - Đạt dưới 70% trở xuống: 0 điểm 					
3.4	Tỷ lệ văn bản đi được ký số cơ quan cùng ngày với ngày phát hành văn bản hoặc trong ngày làm việc tiếp theo	Lấy mẫu ít nhất 50 văn bản bất kỳ trong năm đánh giá (mỗi tháng lấy từ 4-5 văn bản)	1		Cung cấp số liệu đạt được, tài liệu chứng minh		Văn phòng HĐND và UBND và các cơ quan, đơn vị
4	Ứng dụng Góp ý		2				
4.1	Tỷ lệ trả lời đúng, sớm hạn ý kiến của các tổ chức, cá nhân trên Cổng góp ý Đà Nẵng/ Tổng số ý kiến gửi đến	Trường hợp cơ quan không nhận được kiến nghị, phản ánh trong năm thì tính điểm đặc thù	2		Số liệu do Sở KH&CN tổng hợp, đánh giá		Văn phòng HĐND và UBND và các cơ quan, đơn vị
5	Trang thông tin điện tử		5				
5.1	Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành và văn bản quản lý hành chính có liên quan.	Đặt banner về hệ thống văn bản QPPL và dẫn tới chuyên mục tư vấn Trung ương, Thành phố (đã cập nhật) về văn bản QPPL: Có đặt banner đúng tiêu chí: 0,25 điểm. Có đặt hoặc đặt nhưng không đúng tiêu chí: 0 điểm	0.25		Cung cấp đường dẫn, hình ảnh chứng minh		Trung tâm Cung ứng dịch vụ sự nghiệp công
5.2	Đặt banner về "Thủ tục hành chính", "Dịch vụ công trực tuyến" và dẫn tới chuyên mục tương ứng của cơ quan tại Cổng Dịch vụ công quốc gia	Có đặt banner theo đúng tiêu chí: 0,25 điểm; Không đặt banner hoặc có đặt banner nhưng không đáp ứng tiêu chí: 0 điểm	0.5		Cung cấp đường dẫn, hình ảnh chứng minh		Trung tâm Cung ứng dịch vụ sự nghiệp công
5.3	Có chuyên mục đăng thông tin đầy đủ về dự án, hạng	Được tính điểm khi đăng tải đầy đủ: Danh sách các dự án đang chuẩn bị đầu	0.25		Cung cấp		Trung tâm Cung ứng dịch vụ sự nghiệp công

	mục đầu tư, đấu thầu, mua sắm công	tư, các dự án đang triển khai, các dự án đã hoàn tất; Mỗi dự án cần có các thông tin gồm: tên dự án, mục tiêu chính, lĩnh vực chuyên môn, loại dự án, thời gian thực hiện, kinh phí dự án, loại hình tài trợ, nhà tài trợ, tình trạng dự án			đường dẫn, hình ảnh chứng minh	
5.4	Có mục về Thông tin báo chí đặt trên trang chủ và đăng tải các nội dung theo quy định	Quy chế phát ngôn và cung cấp thông tin báo chí của thành phố; thông tin về người phát ngôn gồm: họ và tên, điện thoại, email; các thông cáo báo chí (nếu có)	0.25		Cung cấp đường dẫn, hình ảnh chứng minh	Trung tâm Cung ứng dịch vụ sự nghiệp công
5.5	Đăng đầy đủ lịch làm việc của cơ quan	Được tính điểm khi đăng trên 50 tuần/năm	0.5		Cung cấp đường dẫn, hình ảnh chứng minh	Trung tâm Cung ứng dịch vụ sự nghiệp công
5.6	Đăng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch 5 năm phát triển ngành, lĩnh vực, địa phương và báo cáo 6 tháng, báo cáo năm và kế hoạch, phương hướng trong năm đánh giá	Có đăng tải đầy đủ: 0,25 điểm Không đăng tải đầy đủ: 0 điểm	0.25		Cung cấp đường dẫn, hình ảnh chứng minh	Trung tâm Cung ứng dịch vụ sự nghiệp công
5.7	Tỷ lệ trả lời các phản ánh của cơ quan báo chí và được Sở KH&CN, UBND thành phố đề nghị trả lời	Trường hợp cơ quan không nhận được phản ánh báo chí thì tính điểm đặc thù	0.5		Cung cấp đường dẫn, hình ảnh chứng minh	Trung tâm Cung ứng dịch vụ sự nghiệp công
5.8	Có chức năng hỗ trợ người khuyết tật (tăng cỡ chữ, đọc văn bản)	Tăng cỡ chữ : 0,25 điểm Đọc văn bản: 0,25 điểm Chức năng không hoạt động thì không tính điểm	0.5		Cung cấp đường dẫn, hình ảnh chứng minh	Trung tâm Cung ứng dịch vụ sự nghiệp công
5.9	Có các tính năng về mạng xã hội (ví dụ: có chức năng chia sẻ bài viết từ Cổng TTĐT đến mạng xã hội)	Có tính năng mạng xã hội: 0,25 điểm Không có tính năng hoặc tính năng không hoạt động: 0 điểm	0.25		Cung cấp đường dẫn, hình ảnh chứng minh	Trung tâm Cung ứng dịch vụ sự nghiệp công

5.10	Trang thông tin điện tử của cơ quan đã kết nối Hệ thống giám sát đo lường mức độ cung cấp và sử dụng dịch vụ Chính phủ số (EMC) và đã được gắn nhãn tín nhiệm mạng của Bộ Sở KH&CN	Đã kết nối Hệ thống EMC: 0,5 điểm Đã được gắn nhãn tín nhiệm mạng: 0,5 điểm	1		Cung cấp đường dẫn, hình ảnh chứng minh	Trung tâm Cung ứng dịch vụ sự nghiệp công
5.11	Có tích hợp DaNang AI để hỗ trợ tư vấn, hỏi đáp các vấn đề liên quan đến chức năng nhiệm vụ, DVCTT trực tuyến,.. trên Trang TTĐT	Đã kết nối Hệ thống EMC: 0,5 điểm Đã được gắn nhãn tín nhiệm mạng: 0,5 điểm	0.5		Cung cấp đường dẫn, hình ảnh chứng minh	Trung tâm Cung ứng dịch vụ sự nghiệp công
5.12	Có tích hợp với Cổng thông tin điện tử thành phố	Có tích hợp: 0,5 điểm Không tích hợp: 0 điểm	0.25		Cung cấp đường dẫn, hình ảnh chứng minh	Trung tâm Cung ứng dịch vụ sự nghiệp công
V	DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN		15			
1	Triển khai các giải pháp, biện pháp tuyên truyền dịch vụ công trực tuyến	Mỗi giải pháp 0,5 điểm (trừ các hình thức hội nghị, hội thảo đã tính điểm ở trên). Tối đa không quá 02 điểm	2		Cung cấp các tài liệu, hình ảnh chứng minh giải pháp	Trung tâm Phục vụ hành chính công, Phòng VH-XH, Trung tâm Cung ứng dịch vụ sự nghiệp công
2	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ trực tuyến	a= Tổng số DVCTT một phần có phát sinh hồ sơ (cả trực tuyến và không trực tuyến); b= Tổng số DVCTT toàn trình có phát sinh hồ sơ (cả trực tuyến và không trực tuyến); c= Tổng số DVCTT một phần có phát sinh hồ sơ trực tuyến; d= Tổng số DVCTT toàn trình có phát sinh hồ sơ trực tuyến;	4		Cung cấp hình ảnh, số liệu chứng minh	Trung tâm Phục vụ hành chính công

		<p>Tỷ lệ = $(c+d)/(a+b)$ Điểm = Tỷ lệ*Điểm tối đa <i>Không tính các TTHC không có phát sinh hồ sơ trực tiếp</i></p>				
3	Tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến	<p>a = Tổng số hồ sơ TTHC trong năm của cơ quan; b = Tổng số hồ sơ trực tuyến một phần; c = Tổng số hồ sơ trực tuyến toàn trình; Tỷ lệ = $(b+c)/a$ Điểm = Tỷ lệ*Điểm tối đa <i>Không tính các TTHC không có phát sinh hồ sơ trực tiếp</i></p>	4		Cung cấp hình ảnh, số liệu chứng minh	Trung tâm Phục vụ hành chính công
4	Tỷ lệ TTHC có phí, lệ phí được tích hợp, đồng bộ trên Cổng Dịch vụ công quốc gia trên tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết có phí, lệ phí	<p>Nếu cơ quan không có TTHC có phí, lệ phí thì không tính tiêu chí này trong thang điểm của đơn vị và thực hiện quy đổi về thang điểm 100</p>	2		Cung cấp hình ảnh, số liệu chứng minh	Trung tâm Phục vụ hành chính công
5	Tỷ lệ hồ sơ thanh toán phí lệ phí, trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia trên tổng số hồ sơ DVCTT có phí, lệ phí	<p>Nếu cơ quan không có TTHC có phí, lệ phí thì không tính tiêu chí này trong thang điểm của đơn vị và thực hiện quy đổi về thang điểm 100 <i>Không tính các TTHC có phí, lệ phí không có phát sinh hồ sơ</i></p>	2		Cung cấp hình ảnh, số liệu chứng minh	Trung tâm Phục vụ hành chính công
6	Triển khai chính thức tiếp nhận, trả kết quả TTHC qua dịch vụ bưu chính và/hoặc đại lý dịch vụ công trực tuyến	<p>Có phát sinh từ 100 hồ sơ trở lên: 1 điểm Có phát sinh từ 50-dưới 100 hồ sơ: 0,75 điểm; Có phát sinh dưới 50 hồ sơ: 0,5 điểm Chưa triển khai hoặc không phát sinh hồ sơ: 0 điểm Trong trường hợp không phát sinh hồ sơ TTHC cho người dân, doanh nghiệp hoặc áp dụng chỉ trả kết quả trực tuyến hoàn</p>	1		Cung cấp hình ảnh, số liệu, tài liệu chứng minh (hợp đồng, chứng từ, danh sách hồ sơ phát sinh)	Trung tâm Phục vụ hành chính công

		toàn thì không tính điểm tiêu chí này và quy về thang điểm 100				
VI	NHÂN LỰC SỐ		10			
1	Công chức chuyên trách CNTT có trình độ đại học CNTT trở lên	Có trình độ đại học CNTT trở lên: 1 điểm; Có trình độ cao đẳng CNTT: 0,5 điểm; Chưa bố trí công chức chuyên trách hoặc công chức chuyên trách không đạt trình độ cao đẳng, đại học trở lên: 0 điểm	1		Cung cấp quyết định phân công chuyên trách, văn bằng chứng chỉ	Phòng VH-XH và các cơ quan, đơn vị
2	Công chức chuyên trách CNTT tham gia đầy đủ các đợt đào tạo, tập huấn nghiệp vụ về CNTT, chuyển đổi số do cơ quan chuyên trách của Thành phố tổ chức	Điểm = tỷ lệ tham gia x điểm tối đa	2		Số liệu do Sở KH&CN tổng hợp, đánh giá	Phòng Văn hóa – Xã hội và các cơ quan, đơn vị
3	Tỷ lệ CCVCNLD được bồi dưỡng, tập huấn về chuyển đổi số	Số lượng CCVCNLD tham gia bồi dưỡng, tập huấn về chuyển đổi số/Số lượng CCVCNLD của đơn vị	2		Cung cấp kế hoạch, giấy mời tổ chức chương trình đào tạo tập huấn; số lượng tham dự, hình ảnh, tin bài đăng	Phòng Văn hóa – Xã hội và các cơ quan, đơn vị
4	Tỷ lệ CCVCNLD được bồi dưỡng, tập huấn về chuyển đổi số trên các nền tảng trực	Điểm = tỷ lệ tham gia x điểm tối đa	3		Số liệu do Sở KH&CN tổng hợp,	Phòng Văn hóa – Xã hội và các cơ quan, đơn vị

	tuyển				đánh giá	
5	Số lượng tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn tham dự các đợt tập huấn, hội nghị, hội thảo chuyên đổi số do cơ quan tổ chức	<ul style="list-style-type: none"> - Có từ 100 doanh nghiệp, đơn vị tham gia: Đạt điểm tối đa - Có từ 50 đến dưới 100 doanh nghiệp: 1,5 điểm - Có từ 10-50 doanh nghiệp: 1 điểm - Có dưới 10 doanh nghiệp: 0 điểm <i>Trường hợp cơ quan không có quản lý doanh nghiệp, tổ chức thì tính điểm đặc thù</i>	2		Cung cấp kế hoạch, giấy mời tổ chức chương trình; số lượng tham dự, hình ảnh, tin bài đăng	Phòng Văn hóa – Xã hội và các cơ quan, đơn vị
VII	XÃ HỘI SỐ		12			
1	Tỷ lệ hộ gia đình có điện thoại thông minh		1		Cung cấp số liệu, tài liệu chứng minh (như danh sách chi tiết hộ gia đình (họ và tên đại diện, CCCD,...) chưa có điện thoại thông minh)	Phòng Văn hóa – Xã hội và các cơ quan, đơn vị liên quan Đoàn TNCS HCM phường
2	Tỷ lệ người dân từ 14 tuổi trở lên có danh tính điện tử sử dụng được cho các giao dịch điện tử		1		Cung cấp văn bản báo cáo số liệu từ Công an phường, xã	Đề nghị Công an phường cung cấp số liệu
3	Số lượng thành viên Tổ CNSCĐ, người lao động trong doanh nghiệp, người	Điểm = tỷ lệ tham gia x điểm tối đa	2		Số liệu đào tạo trực	Phòng Văn hóa – Xã hội

	dân trên địa bàn được đào tạo, tập huấn về chuyển đổi số, AI (cả trực tiếp, trực tuyến trên Nền tảng trực tuyến mở đại trà)				tuyên trên nền tảng do Sở KH&CN tổng hợp, đánh giá. Đối với các lớp trực tiếp địa phương cung cấp kế hoạch, giấy mời tổ chức đào tạo, số liệu chi tiết người tham dự, hình ảnh, tin, bài đăng;	
4	Số lượng người lao động trong doanh nghiệp, người dân trên địa bàn được đào tạo, tập huấn về chuyển đổi số, AI (cả trực tiếp, trực tuyến trên Nền tảng trực tuyến mở đại trà)	Điểm = tỷ lệ tham gia x điểm tối đa	2		Số liệu đào tạo trực tuyến trên nền tảng do Sở KH&CN tổng hợp, đánh giá. Đối với các lớp trực tiếp địa phương cung cấp kế hoạch, giấy mời tổ chức đào tạo, số liệu chi tiết người tham dự, hình ảnh,	Phòng Văn hóa – Xã hội Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị Các cơ quan, đơn vị liên quan

					tin, bài đăng;		
5	Số lượng học sinh được đào tạo về chuyển đổi số, công nghệ AI trên địa bàn (cả trực tiếp và trực tuyến)	Điểm = tỷ lệ tham gia x điểm tối đa	3		Số liệu do địa phương cung cấp		Phòng Văn hóa – Xã hội
6	Tỷ lệ các chợ thuộc phạm vi quản lý có triển khai thanh toán không dùng tiền mặt	Trường hợp địa phương không có quản lý chợ thì tính điểm đặc thù	1		Cung cấp kế hoạch, hội nghị, hình ảnh công bố; cung cấp danh sách, số lượng chợ đã triển khai thanh toán không dùng tiền mặt		Trung tâm Cung ứng dịch vụ sự nghiệp công
7	Triển khai các hoạt động, giải pháp thúc đẩy phát triển xã hội số	Các hoạt động, giải pháp thúc đẩy phát triển xã hội số như phối hợp cung cấp điện thoại thông minh, chữ ký số công cộng cho người dân; hướng dẫn cài đặt các ứng dụng, tiện ích số (app Da Nang Smart city, hành trình số, VssID, VNeID,...), địa chỉ số, tạo lập tài khoản công dân số, thanh toán trực tuyến, bảo vệ dữ liệu cá nhân,... Mỗi hoạt động, giải pháp tính 0,5 điểm; tổng điểm không quá điểm tối đa. Các hoạt động, giải pháp đã khai báo tại các mục trên thì không đưa vào tính điểm. Các tuyên phổ kinh doanh không tiền mặt đã kê khai thì không tính điểm	2		Cung cấp tài liệu, hình ảnh chứng minh các hoạt động, giải pháp		Các cơ quan, đơn vị

VIII	ĐIỂM THƯỞNG VÀ ĐIỂM TRỪ					
1	Điểm thưởng					
1.1	CCVCNLĐ có sáng kiến cấp cơ sở về CNTT đã được Hội đồng thi đua khen thưởng của đơn vị công nhận và đã áp dụng thực tế	Mỗi sáng kiến được tính 0,5 điểm. Tối đa không quá 1 điểm	1		Cung cấp Quyết định công nhận sáng kiến	Các cơ quan, đơn vị
1.2	Cơ quan có chủ trì thực hiện các đề tài khoa học hoặc sáng kiến cấp thành phố liên quan đến ứng dụng CNTT được cấp thẩm quyền ra quyết định công nhận trong năm đánh giá	Mỗi đề tài, sáng kiến được tính 01 điểm. Tối đa 02 điểm	2		Cung cấp các quyết định công nhận	Phòng Văn hóa – Xã hội
1.3	Cơ quan hoặc CCVCNLĐ thuộc cơ quan đạt được những giải thưởng về CNTT cấp Thành phố trở lên trong năm đánh giá.	Mỗi giải thưởng đạt 01 điểm. Tối đa 02 điểm. Không tính bằng khen của UBND thành phố về xếp hạng ứng dụng CNTT/chuyển đổi số trong năm trước đó	2		Cung cấp các quyết định công nhận, bằng khen	Các cơ quan, đơn vị
1.4	Cơ quan có triển khai ứng dụng các công nghệ số mới (dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo, chuỗi khối,...) trong hoạt động nghiệp vụ, chỉ đạo điều hành	Mỗi ứng dụng công nghệ 0,5 điểm, tối đa không quá 02 điểm. Trường hợp 01 ứng dụng có tích hợp nhiều công nghệ thì chỉ tính điểm 01 lần. Chỉ tính điểm cho ứng dụng trong năm đánh giá. Các ứng dụng đã kê khai trong các năm trước không được tính điểm	2		Cung cấp hình ảnh, tài liệu chứng minh	Các cơ quan, đơn vị
1.5	Cơ quan có triển khai mô hình chuyển đổi số tiêu biểu, có tác động, tính lan tỏa, hiệu	Mỗi mô hình được tính 01 điểm, tối đa không quá 02 điểm. Chỉ tính điểm đối với mô hình đề xuất mới trong năm đánh giá;	2		Cung cấp báo cáo số liệu cụ thể về mô	Các cơ quan, đơn vị

	quả cao	không tính điểm các mô hình đã kê khai trong các năm trước Không tính điểm đối với các nhiệm vụ, biện pháp mang tính chất phổ biến, thường xuyên (như hội thi, tờ rơi, video,...) hoặc mô hình do thành phố chỉ đạo triển khai chung (như mô hình Tổ công nghệ số cộng đồng,...). Không tính các mô hình do phường, xã trực thuộc triển khai.			hình triển khai. Trường hợp cơ quan không có cung cấp báo cáo với các số liệu cụ thể thì không tính điểm.		
2	Điểm trừ						
2.1	Mỗi phần mềm ứng dụng được đầu tư từ nguồn ngân sách thành phố nhưng chưa triển khai sử dụng trừ 1 điểm	Các phần mềm chậm đưa vào sử dụng, các phần mềm không có dữ liệu phát sinh trong 1 tháng gần nhất, các phần mềm bị lỗi không chạy được trong buổi đánh giá...	Theo số phần mềm				Các cơ quan, đơn vị
2.2	Trang thông tin điện tử thuộc diện Trang thông tin điện tử tổng hợp: không chưa có giấy phép hoạt động hoặc giấy phép hết hạn; Đăng các thông tin không đúng, vi phạm theo quy định của pháp luật nhà nước hiện hành	Mỗi nội dung không có (bắt buộc), trừ 0,5 điểm	1				Trung tâm Cung ứng dịch vụ sự nghiệp công
2.3	Có triển khai chương trình, dự án ứng dụng CNTT từ nguồn ngân sách Nhà nước (ứng dụng có gắn kết với Hệ thống thông tin CQĐT) nhưng không gửi Sở KH&CN tham gia ý kiến phương án giải pháp kỹ thuật.		1				Các cơ quan, đơn vị

2.4	<p>Vi phạm quy định của UBND thành phố Đà Nẵng về việc nghiêm cấm sử dụng hộp thư điện tử công cộng trong hoạt động công vụ của các cơ quan, cơ quan, địa phương trên địa bàn thành phố Đà Nẵng</p> <p>Ví dụ: công bố hộp thư điện tử công cộng sử dụng trong các văn bản hành chính, công bố trên website,...</p>		1			Các cơ quan, đơn vị
2.5	<p>Không khắc phục kịp thời sự cố an toàn thông tin, lỗ hổng bảo mật đối với máy tính, hệ thống thông tin của cơ quan khi có thông báo, hướng dẫn của các cơ quan chuyên trách về ATTT</p>	<p>Không hoàn thành xử lý theo thời hạn quy định: trừ 1 điểm</p> <p>Không có văn bản hướng dẫn cho CBCCVC của cơ quan và không Cc cho Sở KH&CN: trừ 0,5 điểm</p> <p>Không phản hồi kết quả xử lý bằng văn bản gửi Sở KH&CN trừ 0,5 điểm</p>	2			Văn phòng HĐND và UBND
2.6	<p>Được UBND thành phố cấp kinh phí trong nguồn sự nghiệp CNTT nhưng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không sử dụng kinh phí, không triển khai dự án và không thông báo đề nghị hủy theo quy định để chuyển chương trình, dự án: trừ 3 điểm - Không thực hiện quy trình gửi Sở KH&CN góp ý, thẩm định dự án theo quy định: trừ 2 điểm 					Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị

	<i>Không báo cáo về Sở KH&CN việc không triển khai dự án/ thực hiện ch³/4m trong năm/ hủy kinh phí: trừ 1 điểm</i>					
2.7	Đăng ký chương trình, dự án ứng dụng và phát triển CNTT cho năm tiếp theo chậm so với thời hạn quy định		1			Phòng Văn hóa – Xã hội
2.8	Quản lý, sử dụng chữ ký số không đúng quy định (giao chữ ký số cho cá nhân khác sử dụng, không quản lý theo chế độ Mật,...). Kiểm tra thực tế lãnh đạo được cấp chữ ký số nhưng không trực tiếp ký: trừ 1 điểm mỗi lãnh đạo cấp trưởng, phó)			Theo số LĐ CQ		Các cơ quan, đơn vị
2.9	Có cán bộ chuyển công tác, nghỉ hưu, thôi việc nhưng chậm bàn giao chữ ký số cho Sở KH&CN, thông báo hủy email công vụ (trễ từ 1 tháng trở lên kể từ ngày có hiệu lực chuyển công tác, nghỉ hưu, thôi việc)		1			Các cơ quan, đơn vị
2.10	Trễ hạn hoặc không cung cấp đầy đủ thông tin của Phiếu số liệu đánh giá chỉ số ứng dụng CNTT năm đánh giá.		1			Phòng Văn hóa – Xã hội
2.11	Có thiết bị (máy xếp hàng tự động, màn hình thông báo,)		3			Trung tâm Phục vụ hành chính công

	được bố trí khu vực một cửa mà chưa đưa vào sử dụng hoặc không sử dụng (hàng ngày) hoặc hư hỏng <i>Mỗi thiết bị trừ 1 điểm; tối đa trừ 3 điểm</i>						
	TỔNG ĐIỂM		100				